

Tại sao cần quy hoạch vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài?

PHẠM CHÍ DŨNG

Dường như đang tồn tại một nghịch lý đối với TP.HCM, trong khi tỷ lệ thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm trên 30% so với tổng giá trị cả nước, thì một loại nguồn vốn khác – viện trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN) lại hầu như không đáng kể. Trong 10 năm từ 1993 đến 2003, trung bình mỗi năm TP.HCM chỉ vận động được khoảng 6,5 triệu USD, so với hàng trăm triệu USD của cả nước. Con số bình quân này, nếu so với giá trị vận động 140 triệu USD của cả nước trong năm 2004 thì chỉ chiếm có vốn vận chưa đầy 5%.

Lý giải về vấn đề này, tất nhiên cũng có thể nêu lý do là TP.HCM là đô thị loại một chứ không phải là một địa phương thuộc vùng sâu vùng xa, do đó lượng viện trợ PCPNN đổ vào đây không nhiều. Song trong thực tế, tại thành phố này vẫn còn khá nhiều trường hợp thuộc diện cần được xóa đói giảm nghèo, đặc biệt tại các xã vùng ven như Củ Chi, Quận 6, Quận 8, nhất là huyện Cần Giuộc. Không chỉ có thế, đây cũng là nơi tập trung nhiều vấn nạn xã hội như trẻ em lang thang, mồi côi, bụi đời, người tàn tật, và đương nhiên không thể không kể đến nạn ma túy và tình trạng dịch AIDS lan tràn khó có khả năng kiểm soát. Mặt khác, nếu xét về định hướng và xu thế của các nước tài trợ phương Tây thì ngay cả những vấn đề xã hội như giải quyết nạn kẹt xe, xử lý môi trường đô thị,

khôi phục làng nghề và một bộ phận văn hóa truyền thống... cũng thuộc diện viện trợ PCPNN, mà đối với những vấn đề này thì TP.HCM lại là nơi đứng vào hàng tiêu điểm.

Chưa chủ động quy hoạch

Việc tìm hiểu căn nguyên của sự ít ỏi lượng viện trợ PCPNN vào TP.HCM đã cho thấy một trong những nguyên nhân cơ bản nhất là thành phố chưa chủ động quy hoạch, lập dự án vận động viện trợ PCPNN. Công việc này, mặc dù đã được UBNDTP giao cho các cơ quan chức năng, trong đó có Liên hiệp các hội hữu nghị là đầu mối, nhưng nhiều năm qua vẫn chưa được thực hiện đồng bộ tại các quận huyện của thành phố. Nói đúng hơn, hầu như các quận huyện và các sở ngành chủ quản, những nơi có tiếp nhận lần chưa tiếp nhận viện trợ PCPNN, đều chưa chủ động lập kế hoạch vận động, thu hút nguồn vốn từ trên trời rơi xuống này, dù rằng vẫn còn nhiều nơi thật sự cần tiền để giải quyết các vấn đề khó khăn xã hội của địa phương mình. Vì không có dự án vận động, thậm chí cũng không có cả những thông tin căn bản, các tổ chức PCPNN khi làm việc với một số địa phương, đơn vị đã phải bày tỏ sự thất vọng. Và để khỏa lấp sự thất vọng đó, họ đã tìm cách tự thực hiện dự án ngay từ khâu khảo sát, điều tra, với phương thức đi thẳng xuống cơ sở, đối tượng thụ hưởng dự kiến mà không cần thông qua chính quyền địa phương nữa. Trong thực tế đã có một số dự án được tiến hành theo cách như vậy, đặt chính quyền địa phương vào sự dăi ròi. Sau đó, tùy vào thái độ của chính quyền địa phương đối với tổ chức PCPNN mà dự án gặp khó khăn ít hay khó khăn nhiều trong thực hiện. Nhưng nhìn chung đối với những trường hợp như vậy, dự án khó có tương lai và xác suất tan vỡ là khá cao.

Đáng lo ngại nhất về mặt tâm lý và nhận thức là đối với một số nơi, sự có mặt hay không có mặt của các tổ chức PCPNN hầu như chẳng ảnh hưởng gì đến thực tế giải quyết công tác xã hội của địa phương, bất chấp tình trạng thiếu vốn thường xuyên do ngân sách nhà nước không đủ sức trang trải. Thậm chí có những nơi còn bực bội rõ quan điểm xem viện trợ

PCPNN, cụ thể là các tổ chức PCPNN, là một vấn đề thuộc loại “nhạy cảm”, dễ gây tác động tiêu cực về mặt chính trị, do vậy luôn tìm cách né tránh việc tiếp nhận nguồn tài trợ này. Với quan điểm như thế, tồn tại trong hàng chục năm hoặc hơn, sự hạn chế mang tính rào cản đối với tiền viện trợ là một điều không thể tránh khỏi, vô hình trung tại địa phương này mất đi một nguồn tiền đang kể tương đương khoảng một nửa giá trị ngân sách dành cho công tác xã hội. Hệ quả là, trong khi tiền viện trợ không có hoặc chỉ có rất ít, bản thân địa phương đó cũng không có khả năng chăm sóc, lo toan đầy đủ đến các trường hợp thuộc diện xã hội, vẫn còn hàng trăm hộ nghèo, hàng trăm trường hợp nghiện ngập ma túy, hàng trăm đứa trẻ mồ côi và bụi đời... Thực trạng mâu thuẫn đó đã đặt ra một vấn đề không kém mâu thuẫn: Nếu đã là tiền viện trợ không hoàn lại, tại sao chúng ta lại không tìm cách thu hút và sử dụng có hiệu quả mà lại để trôi mất? Liệu đó có phải là chủ trương chăm lo cho dân mà chính quyền sở tại vẫn thường tuyên truyền hay không?

Biện pháp thu hút

Cũng cần nhắc lại, Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 24.1.2003 của Ban bí thư về công tác phi chính phủ nước ngoài, liên quan đến công tác vận động, đã nêu “Để tranh thủ nguồn viện trợ này, cần chủ động đề ra định hướng và chủ động vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong sự gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của từng vùng, miền và trong từng giai đoạn cụ thể; đồng thời phải tăng cường quản lý chặt chẽ theo các quy định thống nhất của Đảng và Nhà nước”. Như vậy, có thể cụ thể hóa yêu cầu về vận động như sau: trước hết, đơn vị cần xác định được nhu cầu có tính đặc thù của mình (như số lượng và tỷ lệ hộ nghèo; số bệnh nhân; phương tiện thiết bị...), đồng thời xác định đối tượng thụ hưởng viện trợ (trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người neo đơn...); sau đó lên dự kiến dự án và kinh phí hỗ trợ của đơn vị, cần đối với nguồn từ ngân sách cấp (nếu có), cũng như kế hoạch tạo việc làm của đơn vị; cuối cùng là phần dự kiến kinh phí cần thu hút từ

nguồn viện trợ PCPNN. Chẳng hạn địa bàn A có 100 trẻ mồ côi cần phải chăm sóc, dự kiến mỗi đầu trẻ hàng tháng chi 150.000 đồng, tức 15 triệu đồng/ tháng hay 180 triệu đồng/năm. Vì đây là số tiền tương đối lớn nên địa bàn A chỉ có thể đảm trách được một phần ba (từ ngân sách) trong số đó. Như vậy, hai phần ba còn lại (120 triệu đồng tương đương với khoảng 70 trẻ mồ côi) sẽ được đưa vào dự án vận động các nhà tài trợ hảo tâm và các tổ chức PCPNN.

Ngoài ra, đơn vị cũng có thể dự kiến, dự toán một tỷ lệ vốn đối ứng dành cho việc thực hiện dự án đối tác với tổ chức PCPNN, vì đây vừa là một yêu cầu vừa mang tính xu hướng của tổ chức PCPNN khi họ muốn ràng buộc trách nhiệm của đối tác Việt Nam cụ thể bằng nghĩa vụ vốn, đồng thời cũng dễ dàng hơn cho họ trong việc xin tài trợ của chính phủ tài trợ (đối với các dự án đối ứng, thường phía nước ngoài chỉ chịu trách nhiệm về nội dung trực tiếp với đối tượng thụ hưởng, còn chi phí tiền lương cho cán bộ điều hành VN là do phía VN chịu).

Trình độ nhân sự và hiệu quả dự án

Liên quan đến việc quy hoạch và lập dự án vận động viện trợ, một yếu tố rất then chốt mà phía đối tác VN thường không mấy quan tâm là trình độ, nghiệp vụ và bản lĩnh đối tác. Hầu như ngược lại, các tổ chức PCPNN hoạt động chuyên nghiệp rất thường lưu ý đến đội ngũ nhân sự điều hành và tác nghiệp, với yêu cầu cùng với họ hoặc thay mặt họ đảm nhận được dự án với ít va vấp nhất. Chính vì thế, càng về sau này, phía nước ngoài cũng hướng đến việc đào tạo đội ngũ nhân sự VN song song với việc thực hiện dự án. Một số giáo trình của đối tác nước ngoài đã đề cập đến cả việc tập huấn về kỹ năng quản trị và marketing cho đối tác VN. Đặc biệt đối với dự án có khả năng phát triển bền vững, như quan niệm của tổ chức Hiệp hội tam giác thế hệ nhân đạo của Pháp về tính bền vững, là một khi phía đối tác nước ngoài rút khỏi dự án thì phía VN phải có khả năng duy trì được sự liên tục, không bị ngắt quãng hoặc bị phá vỡ đối với dự án.

Một vấn đề khác thuộc về tâm lý là đối với tổ chức PCPNN, điều kiện cần để họ lên kế hoạch tài trợ cho dự án là tính hiệu quả của dự án phải được thể hiện. Điều đó không có nghĩa là dự án, hay một phần dự án đã được đưa vào hoạt động rồi mới xin viện trợ nước ngoài, mà dự án vận động phải mô tả được những mục tiêu cụ thể, với mốc thời gian cụ thể, về các chỉ số xã hội lẫn chỉ số kinh tế, cho thấy đây là dự án có tính thực tiễn và khả thi chứ không chỉ tồn tại một sớm một chiều, hoặc làm cho có.

Tóm lại, lập quy hoạch và xây dựng dự án vận động viện trợ PCPNN vừa giúp đối tác VN chủ động về định hướng, vừa giúp thông tin cho đối tác nước ngoài dễ tìm hiểu, đồng thời hỗ trợ cho công tác quản lý trong quá trình thực hiện dự án. Mặt khác, xét về cấp độ vĩ mô, việc lập quy hoạch trên cơ sở tìm hiểu, xác định nhu cầu của các đơn vị cũng nhằm tránh tình trạng trùng lặp dự án, nơi quá nhiều nơi quá ít, đồng thời tiến hành được việc điều phối dự

án về nội dung và lượng tài chính, giúp cho các đơn vị tiếp nhận và khai thác được cân xứng, đồng đều hơn.

Hiện nay, một dấu hiệu mới đối với viện trợ PCPNN vào VN là không chỉ có các nước phương Tây, mà cả khối quốc gia Đông Âu cũng đã bắt đầu chú ý đến việc tài trợ cho nước ta. Hơn nữa, lần đầu tiên các nhà tài trợ đã xác định khả năng tài trợ bằng việc cam kết tài trợ. Do vậy, trong thời gian tới, nguồn viện trợ PCPNN vào TP.HCM sẽ có khả năng tăng lên. Theo ước tính chung, nếu thành phố làm tốt công tác vận động, thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức PCPNN hoạt động hướng về mục đích từ thiện xã hội, đồng thời giảm thiểu những phiền hà về thủ tục giấy tờ thì lượng viện trợ PCPNN vào thành phố sẽ không chỉ dừng ở 5-7 triệu USD/năm mà có thể tăng lên ít nhất gấp đôi, tạo thêm một phần hỗ trợ đáng kể bên cạnh ngân sách dành cho công tác xã hội và các chương trình từ thiện của thành phố ■

NHỮNG NGUYÊN LÝ TIẾP THỊ (Principles of Marketing)

Tác giả: PHILIP KOTLER & GARY ARMSTRONG

Chủ biên: Trần Văn Chánh

Biên dịch: Huỳnh Văn Thanh

Nhà xuất bản Thống kê, ấn hành tháng 9.2004

Từ hai thập niên nay, *Những nguyên lý tiếp thị* của hai giáo sư Philip Kotler và Gary Armstrong được giới học thuật xem như là cuốn sách giáo khoa tiêu biểu nhất của khoa tiếp thị và được phổ biến rộng rãi nhất ở hầu hết các nước trên thế giới. Tại VN, sách này lần đầu tiên đã được biên dịch sang tiếng Việt (NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994) và sau đó được tái bản nhiều lần (NXB Thống kê).

Cuốn sách đã có những đóng góp nhất định cho nhu cầu học hỏi và tham khảo về một lĩnh vực còn khá mới lạ đối với các nhà doanh nghiệp cũng như cho các sinh viên, giảng viên các trường cao đẳng và đại học trong cả nước.

Lần tái bản này, nhóm chủ biên đã căn cứ vào bản in lần thứ bảy của quyển sách gốc tiếng Anh có sửa chữa bổ sung của hai tác giả trên để thực hiện bản dịch này, đồng thời rút tỉa thêm rất nhiều kinh nghiệm về dịch thuật. Chính vì vậy, so với các ấn bản trước, bản dịch có cách trình bày hiện đại, sáng đẹp, diễn giải sinh động với vô số ví dụ và hình ảnh khiến quyển sách trở nên hết sức dễ hiểu, dễ đọc và thật hấp dẫn.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.